Trung tâm Công báo và Tin học
Văn phòng Ủy ban Nhân dân,
Tỉnh Quảng Ngãi
27.04.2022 10:43:10 +07:00

Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 27/04/2022 09:52:35

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 58 /TTr-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 26 tháng 4 năm 2022*

TỜ TRÌNH
Đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất việc xây dựng Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi như sau:

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015;

Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí *(Nghị định số 120/2016/NĐ-CP)*;

Thông tư số 85/2019/TT-BTC, ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương *(Thông tư số 85/2019/TT-BTC)*;

Thông tư số 106/2021/TT-BTC, ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC *(Thông tư số 106/2021/TT-BTC)*;

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Triển khai thi hành Luật Phí và lệ phí; Thông tư số 250/2016/TT-BTC, ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 30/3/2017 quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi *(Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND)*, đảm bảo thực hiện hiệu quả công tác quản lý và tạo thuận lợi cho nhân dân trong thực hiện đăng ký cư trú, cấp chứng minh nhân dân.

Hiện nay, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực đăng ký, quản lý cư trú có sự thay đổi, trong đó: (1) Ngày 13/11/2020, Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua Luật Cư trú số 68/2020/QH14, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2021; (2) Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú; (3) Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lệ phí đăng ký cư trú và quy định lệ phí đăng ký cư trú đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến để khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công theo phương thức trực tuyến (điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 85/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC). Ngoài ra, thủ tục cấp chứng minh nhân dân đã được Bộ Công an quyết định bãi bỏ, thay thế bằng công tác cấp Căn cước công dân theo Luật Căn cước công dân và thực hiện thu lệ phí theo Thông tư số 59/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Căn cước công dân.

Để thống nhất với quy định của Luật Phí và lệ phí; Thông tư số 85/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 106/2021/TT-BTC, đồng thời đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước, tạo thuận lợi cho Nhân dân trong thực hiện đăng ký cư trú, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho chủ trương xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (thay thế Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND) là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Triển khai thi hành kịp thời các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác quản lý nhà nước trong lĩnh

vực đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo quy định của Luật Cư trú năm 2020 và Thông tư số 106/2021/TT-BTC.

- Tạo cơ sở pháp lý cho cơ quan đăng ký, quản lý cư trú và người có thẩm quyền thực thi công vụ trong việc thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh; đồng thời, để khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công theo phương thức trực tuyến, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, phù hợp với thu nhập, điều kiện của người dân trên địa bàn tỉnh.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Tuân thủ Hiến pháp, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Chính phủ và Hội đồng nhân dân tỉnh, kịp thời tạo cơ sở pháp lý để bảo đảm thực hiện hiệu quả công tác đăng ký cư trú.

- Kịp thời thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú được cụ thể, rõ ràng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi bảo đảm phù hợp, khả thi, tạo điều kiện thuận lợi trong việc thi hành.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Nghị quyết gồm 07 điều, gồm:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định đối tượng nộp lệ phí, cơ quan thu lệ phí; các đối tượng, trường hợp miễn thu lệ phí; mức thu lệ phí; chế độ kê khai, thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

a) Người đăng ký cư trú với cơ quan đăng ký, quản lý cư trú theo quy định của pháp luật về cư trú.

b) Cơ quan thu lệ phí: Công an xã, phường, thị trấn; Công an huyện ở nơi không có đơn vị hành chính cấp xã.

c) Các cơ quan, cá nhân, tổ chức khác có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Đối tượng nộp; đối tượng, trường hợp miễn thu lệ phí

1. Đối tượng nộp lệ phí

Người được cơ quan đăng ký cư trú giải quyết cư trú theo quy định của pháp luật, gồm:

- Đăng ký thường trú;

- Đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người *(Việc đăng ký tạm trú theo danh sách thì lệ phí đăng ký được được tính với từng cá nhân như đăng ký tạm trú cho một người.)*

- Gia hạn tạm trú *(Việc gia hạn tạm trú theo danh sách thì lệ phí đăng ký được được tính với từng cá nhân như gia hạn tạm trú cho một người.)*

- Tách hộ;

- Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú;

- Xác nhận thông tin về cư trú;

2. Đối tượng và trường hợp miễn thu lệ phí đăng ký cư trú

a) Đối tượng miễn thu lệ phí đăng ký cư trú, gồm:

- Trẻ em; người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng; cha đẻ, mẹ đẻ, vợ (hoặc chồng), con dưới 18 tuổi của người có công với cách mạng;

- Người thuộc hộ nghèo;

- Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

b) Các trường hợp miễn thu lệ phí đăng ký cư trú, gồm:

Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đối với trường hợp thay đổi địa chỉ nơi cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú do có sự điều chỉnh về địa giới hành chính, tên đơn vị hành chính, tên đường, tổ dân phố, thôn, xóm, làng, bản, ấp, cách đánh số nhà.

Điều 4. Mức thu lệ phí

Có biểu mức thu lệ phí đăng ký cư trú kèm theo Nghị quyết.

(Trong đó phân định mức thu lệ phí đăng ký cư trú khi thực hiện trực tiếp tại cơ quan Công an và mức thu lệ phí đăng ký cư trú khi thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (theo điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021)).

Điều 5. Kê khai thu, nộp và quản lý lệ phí

1. Người nộp lệ phí thực hiện nộp lệ phí theo từng lần phát sinh.

2. Cơ quan thu lệ phí nộp 100% lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước. Việc kê khai, thu, nộp lệ phí thực hiện theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO THI HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Nguồn lực

Công an tỉnh phối hợp với các sở, ngành có liên quan đảm bảo bố trí phương tiện, trang thiết bị và bố trí cán bộ có trình độ, năng lực để tham mưu, giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thực hiện thu lệ phí đăng ký cư trú đối với người dân đến đăng ký cư trú trên địa bàn; thực hiện việc thu, nộp, quản lý lệ phí thu được theo đúng quy định.

2. Nguồn lực tài chính đảm bảo thực hiện Nghị quyết

Từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định.

V. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIII thông qua Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tại kỳ họp thường lệ thứ 8 (kỳ họp giữa năm 2022).

Tài liệu gửi kèm theo gồm: Dự thảo nghị quyết HĐND tỉnh, Biểu mức thu lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh.

Đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, NCbdv265.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Đặng Văn Minh

BIỂU MỨC THU

Lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 58 /TTr-UBND ngày 26/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Các phường của thành phố, thị xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi		Các xã, thị trấn và huyện Lý Sơn (nơi không có đơn vị hành chính cấp xã)	
			Mức thu khi đăng ký cư trú trực tiếp tại cơ quan Công an	Mức thu khi thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến	Mức thu khi đăng ký cư trú trực tiếp tại cơ quan Công an	Mức thu khi thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến
1	- Đăng ký thường trú; - Đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người (Việc đăng ký tạm trú theo danh sách thì lệ phí đăng ký được tính với từng cá nhân như đăng ký tạm trú cho một người); - Tách hộ;	Đồng/lần đăng ký	14.000	10.000	7.000	5.000
2	Gia hạn tạm trú (Việc gia hạn tạm trú theo danh sách thì lệ phí đăng ký được tính với từng cá nhân như gia hạn tạm trú cho một người)	Đồng/lần gia hạn	10.000	8.000	5.000	4.000
3	Điều chỉnh thông tin về cư trú trong cơ sở dữ liệu về cư trú	Đồng/lần điều chỉnh	9.000	8.000	5.000	4.000
4	Xác nhận thông tin về cư trú	Đồng/lần xác nhận	8.000	5.000	4.000	4.000

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2022/NQ-HĐND	*Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2022*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHOÁ XIII KỲ HỌP THỨ ……..

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số ……/TTr-UBND, ngày …. tháng …. năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định đối tượng nộp lệ phí, cơ quan thu lệ phí; các đối tượng, trường hợp miễn thu lệ phí; mức thu lệ phí; chế độ kê khai, thu, nộp và và quản lý lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

a) Người đăng ký cư trú với cơ quan đăng ký, quản lý cư trú theo quy định của pháp luật về cư trú.

b) Cơ quan thu lệ phí: Công an xã, phường, thị trấn; Công an cấp huyện ở nơi không có đơn vị hành chính cấp xã.

c) Các cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Đối tượng nộp; đối tượng, trường hợp miễn thu lệ phí

1. Đối tượng nộp lệ phí

Người được cơ quan đăng ký cư trú giải quyết cư trú theo quy định của pháp luật, gồm:

- Đăng ký thường trú;

- Đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người *(Việc đăng ký tạm trú theo danh sách thì lệ phí đăng ký được được tính với từng cá nhân như đăng ký tạm trú cho một người.)*

- Gia hạn tạm trú *(Việc gia hạn tạm trú theo danh sách thì lệ phí đăng ký được được tính với từng cá nhân như gia hạn tạm trú cho một người.)*

- Tách hộ;

- Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú;

- Xác nhận thông tin về cư trú;

2. Đối tượng và trường hợp miễn thu lệ phí đăng ký cư trú

a) Đối tượng miễn thu lệ phí đăng ký cư trú, gồm:

- Trẻ em; người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng; cha đẻ, mẹ đẻ, vợ (hoặc chồng), con dưới 18 tuổi của người có công với cách mạng;

- Người thuộc hộ nghèo;

- Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

b) Các trường hợp miễn thu lệ phí đăng ký cư trú, gồm:

Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đối với trường hợp thay đổi địa chỉ nơi cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú do có sự điều chỉnh về địa giới hành chính, tên đơn vị hành chính, tên đường, tổ dân phố, thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, cách đánh số nhà.

Điều 4. Mức thu lệ phí

Có biểu mức thu lệ phí đăng ký cư trú kèm theo Nghị quyết.

Điều 5. Kê khai thu, nộp và quản lý lệ phí

1. Người nộp lệ phí thực hiện nộp lệ phí theo từng lần phát sinh.

2. Cơ quan thu lệ phí nộp 100% lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước. Việc kê khai, thu, nộp lệ phí thực hiện theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khóa XIII, kỳ họp thứ ....., thông qua ngày ..... tháng ..... năm 2022, có hiệu lực từ ngày...tháng...năm 2022 và thay thế Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND, ngày 30/3/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí cấp Chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi./.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH;
- Các Bộ: Công an, Tư Pháp, Tài Nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH và ĐBQH bầu ở tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở ban ngành, hội đoàn thể tỉnh, VP UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Quỳnh Vân

BIỂU MỨC THU

Lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số ……../2022/NQ-HĐND ngày ……/.../2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Các phường của thành phố, thị xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi		Các xã, thị trấn và huyện Lý Sơn (nơi không có đơn vị hành chính cấp xã)	
			Mức thu khi đăng ký cư trú trực tiếp tại cơ quan Công an	Mức thu khi thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến	Mức thu khi đăng ký cư trú trực tiếp tại cơ quan Công an	Mức thu khi thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến
1	- Đăng ký thường trú; - Đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người (Việc đăng ký tạm trú theo danh sách thì lệ phí đăng ký được tính với từng cá nhân như đăng ký tạm trú cho một người); - Tách hộ;	Đồng/lần đăng ký	14.000	10.000	7.000	5.000
2	Gia hạn tạm trú (Việc gia hạn tạm trú theo danh sách thì lệ phí đăng ký được tính với từng cá nhân như gia hạn tạm trú cho một người)	Đồng/lần gia hạn	10.000	8.000	5.000	4.000
3	Điều chỉnh thông tin về cư trú trong cơ sở dữ liệu về cư trú	Đồng/lần điều chỉnh	9.000	8.000	5.000	4.000
4	Xác nhận thông tin về cư trú	Đồng/lần xác nhận	8.000	5.000	4.000	4.000